

Mô đun ngõ vào tương tự
CPX-AP-I-4AI-U-I-RTD-M12
Số bộ phận: 8086606

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước B x L x H	30 mm x 170 mm x 35 mm
Kiểu gắn	trên đường ray DIN với các phụ kiện với lỗ xuyên
trọng lượng sản phẩm	166 g
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 °C...60 °C
Nhiệt độ bảo quản	-40 °C...70 °C
Độ ẩm tương đối	5 - 95 % không cô đặc
Mức độ bảo vệ	IP65 IP67
Lưu ý về mức độ bảo vệ	cổng nối không sử dụng đã đóng
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Chiều dài dây dẫn tối đa	Đầu vào 30 m Hệ thống liên lạc 50 m
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Độ phù hợp sử dụng trong phòng sạch, được đo theo tiêu chuẩn ISO 14644-14	Phần tử được cài đặt tĩnh, không thể đánh giá phù hợp theo ISO 14644-1
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Listed (OL)
Cơ quan cấp chứng chỉ	UL E239998
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu vỏ	PA PC Kẽm đúc áp lực, mạ niken
Vật liệu của phốt	NBR
Vật liệu vòng đệm chữ O	FPM
Chẩn đoán theo đèn LED	Chẩn đoán trên mỗi mô-đun Trạng thái trên mỗi kênh

Đặc tính	Giá trị
Chẩn đoán thông qua liên lạc nội bộ	Đứt dây Lỗi mô-đun Ngắn mạch/quá tải nguồn cung cấp cảm biến Lỗi tham số Lỗi tham số Quá tải đầu vào analog Giá trị giới hạn trên không được tuân thủ Chưa đầy/tràn Giá trị giới hạn dưới không được tuân thủ
Giao diện giao tiếp, chức năng	Giao tiếp hệ thống XF10 IN / XF20 OUT
Giao diện giao tiếp, kiểu kết nối	2x ổ cắm
Giao diện giao tiếp, công nghệ kết nối	M8x1, được mã hóa D theo EN 61076-2-114
Giao diện giao tiếp, số lượng chân cắm/dây	4
Giao diện truyền thông, giao thức	AP
Giao diện giao tiếp, lớp bảo vệ	có
Bộ nguồn, chức năng	Điện tử/cảm biến và tải đến
Nguồn điện, kiểu kết nối	Phích cắm
Cung cấp điện, công nghệ kết nối	M8x1, được mã hóa A theo EN 61076-2-104
Cung cấp điện áp, số cực / dây	4
Dây dẫn điện áp, chức năng	Điện tử/cảm biến và tải đi
Truyền điện áp, kiểu kết nối	Ổ cắm
Dây dẫn điện áp, công nghệ kết nối	M8x1, A-được mã hóa theo EN 61076-2-104
Truyền điện áp, số cực / dây	4
Chỉ dẫn về điện áp vận hành	Nguồn điện SELV/PELV cần thiết Lưu ý sự sụt giảm điện áp
Điện áp hoạt động định mức DC Điện tử/cảm biến	24 V
Điện áp dao động cho phép điện tử / cảm biến	± 25 %
Nguồn cung cấp tối đa	2 x 4 A (cầu chì bên ngoài cần thiết)
Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức điện tử/cảm biến	thường là 38 mA
Bắc cầu sự cố điện	10 ms
Chống phân cực	có
Cổng nối điện đầu vào, chức năng	Đầu vào tương tự
Cổng nối điện đầu ra, kiểu kết nối	4x ổ cắm
Cổng nối điện đầu vào, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Cổng nối điện đầu vào, chỉ dẫn về công nghệ kết nối	Để đạt được các chỉ tiêu kỹ thuật, phía đối diện phải được che chắn và có các bề mặt tiếp xúc bằng vàng.
Cổng nối điện đầu vào, số chân cắm/dây	5
Số lượng đầu vào	4
Đầu vào bảo vệ (ngắn mạch)	cầu chì điện tử bên trong mỗi mô-đun
Tổng dòng tối đa đầu vào mỗi mô-đun	1 A
Ngắt điện thế đầu vào kênh - kênh	không
Ngắt điện thế đầu vào kênh - giao tiếp nội bộ	có
Kích thước đo	Điện áp Dòng điện Nhiệt độ Điện trở
Lưu ý về kích thước đo	Nhiệt độ: Hỗ trợ PT100 và NI100
Định dạng dữ liệu	15 bit + dấu thang đo tuyến tính
Dải tín hiệu	-10 - 10 V -5 - 5 V 0 - 10 V 1 - 5 V 0 - 20 mA 4 - 20 mA 0 - 500 Ohm
Độ chính xác lặp lại	±0,025 % ở 25 °C

Đặc tính	Giá trị
Giới hạn lỗi cơ bản ở 25 ° C	$\pm 0,1$ % cho điện áp $\pm 0,1\%$ cho dòng điện ± 4 % cho nhiệt độ $\pm 0,2\%$ đối với điện trở
Giới hạn hoạt động liên quan đến phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh	$\pm 0,15$ % cho điện áp $\pm 0,15\%$ cho dòng điện $\pm 0,9$ % cho nhiệt độ $\pm 0,35\%$ đối với điện trở